



Số: 1047/KNH

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên mẫu: Nước sạch mạng cấp nhà máy nước Lộc An- Vedana Lagoon Resort & Spa Huế, xã Phú Lộc, thành phố Huế
Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần cấp nước Huế
Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế
Nơi sản xuất: Nhà máy nước Lộc An
Địa chỉ: Thôn Nam Phước, xã Lộc An, Thành phố Huế
Ngày nhận mẫu: 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít
Thời gian kiểm nghiệm: từ 13/05/2026 đến 16/06/2026
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa vặn kín.
Mã số mẫu: 26DV1015
Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu
Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1 ^a	Arsenic (As)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD:0,00187)
2 ^b	Bari (Ba)	EPA Method 200.8	mg/L	0,008
3 ^a	Chlorpyrifos	KNH/QTTN/TP-130	mg/L	KPH (LOD: 1,0)
4 ^a	Clorotoluron	KNH/QTTN/TP-129	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
5 ^b	Cyanazine	CASE.SK.0067 (2018)	mg/L	KPH (LOD:0,05)
6 ^b	Hydroxyatrazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD: 0,05)

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (): phép thử đạt GLP
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế

Số: 1046 /KNH



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên mẫu: Nước sạch mạng cấp nhà máy nước Lộc An- Cafe Nguyên Nhi, thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc, thành phố Huế
Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần cấp nước Huế
Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế
Nơi sản xuất: Nhà máy nước Lộc An
Địa chỉ: Thôn Nam Phước, xã Lộc An, Thành phố Huế
Ngày nhận mẫu: 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít
Thời gian kiểm nghiệm: từ 13/05/2026 đến 16/06/2026
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa vại kín.
Mã số mẫu: 26DV1014
Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu
Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1 ^a	Arsenic (As)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD:0,00187)
2 ^b	Bari (Ba)	EPA Method 200.8	mg/L	0,007
3 ^a	Chlorpyrifos	KNH/QTTN/TP-130	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
4 ^a	Clorotoluron	KNH/QTTN/TP-129	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
5 ^b	Cyanazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD:0,05)
6 ^b	Hydroxyatrazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD: 0,05)

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (j): phép thử đạt GLP
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế



Số: 1045 /KNH

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên mẫu: Nước sạch mạng cấp nhà máy nước Lộc An- Hộ gia đình
tại thôn Bát Sơn, xã Lộc An, thành phố Huế
Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần cấp nước Huế
Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế
Nơi sản xuất: Nhà máy nước Lộc An
Địa chỉ: Thôn Nam Phước, xã Lộc An, Thành phố Huế
Ngày nhận mẫu: 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít
Thời gian kiểm nghiệm: từ 13/05/2026 đến 16/06/2026
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa, vận kín.
Mã số mẫu: 26DV1013
Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu
Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1 ^a	Arsenic (As)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD:0,00187)
2 ^b	Bari (Ba)	EPA Method 200.8	mg/L	0,008
3 ^a	Chlorpyrifos	KNH/QTTN/TP-130	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
4 ^a	Clorotoluron	KNH/QTTN/TP-129	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
5 ^b	Cyanazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD:0,05)
6 ^b	Hydroxyatrazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD: 0,05)

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (): phép thử đạt GLP
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế



Số: 1044 /KNH

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

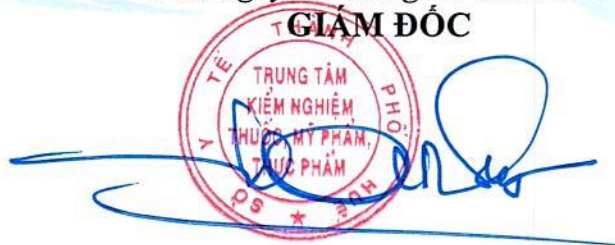
Tên mẫu: Nước sạch bể chứa nhà máy nước Lộc An, thành phố Huế
Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần cấp nước Huế
Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế
Nơi sản xuất: Nhà máy nước Lộc An
Địa chỉ: Thôn Nam Phước, xã Lộc An, Thành phố Huế
Ngày nhận mẫu: 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít
Thời gian kiểm nghiệm: từ 13/05/2026 đến 16/06/2026
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa vại kín.
Mã số mẫu: 26DV1012
Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu
Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1 ^a	Arsenic (As)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD:0,00187)
2 ^b	Bari (Ba)	EPA Method 200.8	mg/L	0,007
3 ^a	Chlorpyrifos	KNH/QTTN/TP-130	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
4 ^a	Clorotoluron	KNH/QTTN/TP-129	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
5 ^b	Cyanazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD:0,05)
6 ^b	Hydroxyatrazine	CASE.SK.0067 (2018)	µg/L	KPH (LOD: 0,05)

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (): phép thử đạt GLP
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế